

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2017/HSST
Ngày 24 tháng 10 năm 2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Hào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Vượng

2. Ông Nguyễn Văn Môn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - cán bộ Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện VKSND thành phố B: Ông Thân Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 155/2017/HSST ngày 05 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1995. Tên gọi khác: không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;
Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 9/12;
Con ông: Nguyễn Văn P, sinh năm: 1976, con bà: Ngô Thị G, sinh năm: 1974; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2017 đến ngày 02/6/2017 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang trong vụ án khác. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Hà Đình T, sinh năm 1997. Tên gọi khác: Không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số nhà A, đường L, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 10/12; Con ông: Hà Đình M, sinh năm: 1974, con bà: Lý Thị G, sinh năm: 1977; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án: Tại bản án số 166/2015/HSST ngày 27/11/2015, Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2017 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: Nguyễn Nam H, sinh năm 1997. Tên gọi khác: M.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: số nhà Z, đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa 10/12; Con ông: Nguyễn Xuân N, sn: 1976, con bà: Phan Thị T, sn: 1976; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

- Tiền án, tiền sự; Không;

- Nhân thân:

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 265 ngày 16/5/2017, Công an phường L, thành phố B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 25/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B khởi tố bị can về tội trộm cắp tài sản trong vụ án khác. Đã bị Tòa án nhân dân thành phố B xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 104/2017/HSST ngày 06/9/2017.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ trong vụ án này từ ngày 22/3/2017 đến ngày 31/3/2017 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang trong vụ án khác. (Có mặt tại phiên tòa).

+ Bị hại:

1. Anh Ngô Văn A, sinh năm 1993

Địa chỉ: T, xã TT, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số nhà ZX, đường M, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

3. Ông Đỗ Ngọc T, sinh năm 1952

Địa chỉ: Thôn L, xã M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

4. Anh Cao Xuân B, sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

5. Bà Hà Thị T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn P, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

+ Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Trần P, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số nhà Z1 đường X, phường X, thành phố B, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

3. Anh Đinh Văn Q, sinh năm 1997

Địa chỉ: Phố Q, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

4. Ông Triệu Ngọc A, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số nhà A, đường K, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

5. Anh Thân Văn Q, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số nhà A, đường G, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

6. Anh Trần Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nguyễn Văn Q; Hà Đình T; Nguyễn Nam H bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hà Đình T sinh năm 1997 trú tại Số nhà A, đường L, phường P, thành phố B và Đinh Văn Q sinh năm 1997 trú tại phố T, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là bạn bè ngoài xã hội. Khoảng 16 giờ ngày 21/3/2017, T đi xe máy Honda Super Dream không biển kiểm soát đến phòng trọ của Q ở khu phố Hòa Yên, phường X, thành phố B và rủ Q đi chơi điện tử. Cả hai đi chơi điện tử đến khoảng 18 giờ 30 phút thì quay về phòng trọ của Q. Khoảng 19 giờ 20 phút cùng ngày, Q bảo T ở nhà để đi có việc nhưng T bảo

cho đi cùng, Q đồng ý. Q điều khiển xe máy của Q chở T đi đến khu vực đường V, thành phố B thì rẽ vào làn 2 đường V đoạn phía sau Siêu thị điện máy Mediamart để tìm mua ma túy tổng hợp dạng đá nhưng không mua được nên quay về. Trên đường về, T bảo Q đỗ xe ở ven đường để T đi vệ sinh. Trong lúc đang đi vệ sinh, T nhìn thấy trên vỉa hè trước cửa nhà số 42, làn 3, đường V, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B có dựng chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 98B2-802.62 của anh Ngô Văn A sinh năm 1993 trú tại T, xã TT, thành phố B, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện. Quan sát chiếc xe không có người trông giữ, T nảy sinh ý định trộm cắp. T tiến lại gần dắt xe xuống lòng đường rồi nổ máy bỏ chạy. Thấy T trộm cắp xe, sợ bị liên quan nên Q đi xe về phòng trọ. Sau khi trộm cắp chiếc xe, trên đường bỏ chạy, T sử dụng cờ lê mang theo từ trước tháo chiếc biển kiểm soát 98B2-802.62 vớt ở ven đường rồi đi xe về phòng trọ của Q. Tại đây, T lấy chiếc biển kiểm soát 29P1-37383 lắp vào xe máy T vừa trộm cắp được (bút lục 153- 157, 189-191, 216- 221).

Đến khoảng 23 giờ 30 cùng ngày 21/3/2017, T bảo Q nhắn tin gọi bạn ngoài xã hội là Nguyễn Nam H sinh năm 1997 trú tại số nhà Z đường L, phường L đến phòng trọ của Q. Một lúc sau Hải đến nơi, T và Hải rủ nhau đi chơi. T sử dụng chiếc xe vừa trộm cắp được của anh An lắp biển số 29P1- 373.83 chở Hải đi chơi. Khoảng 00 giờ 35 phút ngày 22/3/2017, khi T và Hải đi trên đường Trần Đăng Tuyển, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố B thì bị tổ công tác Phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh Bắc Giang kiểm tra, lập biên bản kiểm soát, thu giữ những vật chứng sau đây:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu sơn trắng đen, đeo biển kiểm soát 29P1- 373.83; Kiểm tra trên xe có 01 thanh sắt (chòong phá khóa xe máy dài 40cm); thu giữ trên người Hà Đình T 01 bộ vam phá khóa xe máy; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia màu vàng; 01 chiếc đồng hồ đeo tay; 01 bao thuốc lá; 01 chiếc kéo; 01 chiếc ví bên trong có 01 đăng ký xe và 01 giấy phép lái xe cùng mang tên Ngô Văn A ở xã Tân Tiến, thành phố B; 01 chùm chìa khóa và 64.000 đồng.

- Thu giữ trên người Nguyễn Nam H 01 vam phá khóa xe máy trong túi áo.

Cùng ngày 22/03/2017, Tổ công tác Phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh Bắc Giang bàn giao người và vật chứng cho Công an thành phố B giải quyết theo thẩm Q.

Sau khi bị trộm cắp tài sản, anh Ngô Văn A đã trình báo Công an phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B.

Ngày 22/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã bắt, khám xét khẩn cấp đối với Hà Đình T, không thu giữ vật chứng gì khác (bút lục 21, 26). Đối với chiếc biển kiểm soát 98B2-802.62, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại Kết luận số 24/KL-HĐĐG ngày 23/3/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng đen bạc, biển kiểm soát 98B2- 802.62, số máy HC12E7345122, số khung 1259FY345057, xe đã qua sử dụng có trị giá là 18.000.000 đồng (bút lục 62).

Ngày 13/4/2017, Cơ quan điều tra đã trả cho anh Ngô Văn A những tài sản bị trộm cắp. Đến nay, anh An không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự (bút lục 153-158).

Đối với Đình Văn Q là người đi cùng với T nhưng trước khi T trộm cắp tài sản thì Q không được bàn bạc thống nhất với T từ trước cho nên Q không vi phạm pháp luật.

Sau khi bị kiểm soát, quá trình làm việc tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Nam H đã xin đầu thú về hành vi trộm cắp xe mô tô vào ngày 15/3/2017 tại địa bàn phường X, thành phố B. Hải khai nhận thực hiện hành vi trộm cắp nêu trên cùng với Hà Đình T, cụ thể như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 15/3/2017, Nguyễn Nam H đi xe mô tô không biển kiểm soát chở Hà Đình T từ quán điện tử ở khu vực chợ Hoà Yên, phường X về nhà. Trên đường về, T và Hải rẽ vào đường M, phường X mục đích để xem ai có xe máy sơ hở thì trộm cắp. Khi đến gần chùa làng Vẽ, phường X, Hải và T nhìn thấy ở sân nhà anh Nguyễn Văn T sinh năm 1990 trú tại Số nhà ZX, đường M, phường X có dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream biển kiểm soát 98B1- 841.97, trên yên xe có dựng một chiếc ô để che mưa. Thấy vậy, Hải dừng xe lại rìa đường đứng canh giới còn T đi vào trộm cắp chiếc xe. Khi T dắt chiếc xe 98B1- 841.97 ra khỏi cổng nổ máy bỏ chạy thì Hải cũng điều khiển xe bỏ chạy theo về nhà Hải. Khi về đến nhà thì Hải vào nhà ngủ còn T đi xe máy 98B1- 841.97 về nhà T cất giấu. Khoảng 10 giờ ngày 16/3/2017, T đi xe 98B1- 841.97 đến bảo Hải thay chiếc còi nhại vào chiếc xe sau đó bảo Hải để cho T chiếc xe làm phương tiện đi lại, Hải đồng ý. Ngày 21/3/2017, T đi

chiếc xe máy này đến phòng trọ của Đinh Văn Q ở khu phố Hòa Yên, phường X, thành phố B.

Ngày 22/3/2017, Cơ quan điều tra đã kiểm tra hành chính tại phòng trọ của Đinh Văn Q, tạm giữ những đồ vật, tài sản sau đây: 01 chiếc Honda Dream không có biển kiểm soát, màu sơn nâu, số khung 386989, số máy 1687051, xe đã qua sử dụng; 01 xe mô tô Honda C70, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 13A- 783F6 xe đã qua sử dụng; 06 gác ba ga giữa của xe mô tô đã qua sử dụng; 04 chiếc gương chiếu hậu xe mô tô đã cũ; 01 giá biển kiểm soát xe mô tô; 01 giỏ xe mô tô màu đen (bút lục 159).

Tại bản kết luận số 23/KL-HĐĐG ngày 23/3/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Superdeam, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98B1-841.97, số máy; 1687051, số khung; 386989, xe đã qua sử dụng có giá trị là 20.000.000 đồng (bút lục 64).

Ngày 12/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã trả cho anh T chiếc xe mô tô 98B1-841.97. Đến nay, anh T không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Đối với chiếc xe Hải sử dụng đi trộm cắp tài sản, Hải khai đó là chiếc xe Wave không có biển kiểm soát, H khai mua của người không quen biết. Sau đó H đã bán chiếc xe này cho anh Thân Văn Q sinh năm 1985 trú tại Tổ dân phố Giáp H, phường Dĩnh Kế. Cơ quan điều tra đã làm việc với anh Q nhưng anh Q không thừa nhận đã mua chiếc xe của H cho nên Cơ quan điều tra không có căn cứ thu giữ.

Tại Cơ quan điều tra, Hà Đình T khai không có hành vi cùng với Nguyễn Nam H trộm cắp chiếc xe 98B1- 841.97. Cơ quan điều tra đã cho Nguyễn Nam H và Hà Đình T đối chất, kết quả H và T đều giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của Nguyễn Nam H thì không có chứng cứ nào khác nên không đủ căn cứ kết luận Hà Đình T cùng trộm cắp chiếc xe 98B1-841.97 nói trên (bút lục 268).

Ngày 23/3/2016, Nguyễn Văn Q sinh năm 1995 trú tại Tổ dân phố Đ, phường X, thành phố B đã đến Công an thành phố B đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản và khai nhận đã cùng với Hà Đình T trộm cắp 03 chiếc xe máy trên địa bàn thành phố B, cụ thể như sau (bút lục 117- 123, 124- 126, 127- 131, 284-307):

Vụ thứ nhất:

Khoảng 12 giờ ngày 01/3/2017, Q điều khiển xe mô tô không có biển kiểm soát của T chở T đi từ nhà Hải qua cầu sắt phường Mỹ Độ đến địa bàn xã M, thành phố B để xem ai có xe máy sơ hở thì trộm cắp. Khi đến địa bàn thôn Giếng, xã M, Q rẽ phải qua đường tàu đi vào Thôn L, xã M, thành phố B. Đi được một đoạn thì cả hai phát hiện một chiếc xe máy hiệu Honda Superdeam, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98B1- 191.13 của ông Đỗ Ngọc T sinh năm 1952 trú tại Thôn L, xã M, thành phố B dựng ở sườn đường. Q điều khiển xe đi qua vị trí dựng xe để quan sát sau đó quay lại dừng xe cách chiếc xe của ông Tuyết khoảng 1m. T xuống xe dùng vạm phá khóa phá ổ khóa điện xe máy nổ máy đi trước còn Q đi xe máy theo sau. T và Q đi thẳng về nhà T. Tại đây, T và Q dùng cà lê tháo biển số và gương chiếu hậu của xe ra. Sau đó T sử dụng chiếc xe này đến ngày 06/3/2017 thì bị Công an phường L, thành phố B kiểm soát và tạm giữ. Ngày 02/4/2017, Công an phường L đã bàn giao chiếc xe trên cho Công an thành phố B xử lý theo thẩm Q.

Tại Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 23/3/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận 01 (một) xe máy mô tô nhãn hiệu Honda Superdeam, màu sơn nâu, biển kiểm soát; 98B1-191-13, số máy: 1440852, số khung: 140807, xe đã qua sử dụng có trị giá là 20.000.000 đồng (bút lục số 63).

Ngày 14/4/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đỗ Ngọc T chiếc xe nêu trên. Đến nay, ông Tuyết không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Vụ thứ hai:

Khoảng 21 giờ ngày 01/3/2017, Q điều khiển xe mô tô không có biển kiểm soát của T chở T ngồi sau đi sang khu vực phường Đ, thành phố B để xem ai có xe máy sơ hở thì trộm cắp. Khi đi đến đường Hoàng Hoa Thám thì cả hai phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu vàng đen bạc, biển kiểm soát 98B2-782.88 của anh Cao Xuân B sinh năm 1997 trú tại tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B dựng trước cửa số nhà 339 đường Hoàng Hoa Thám, phường Đ. Q đi qua vị trí để xe khoảng 30m thì quay lại để quan sát. Khi thấy không có người trông coi, Q dừng xe cách vị trí dựng xe máy của anh Bình khoảng 2m. T xuống xe dùng vạm phá khóa phá ổ khóa điện rồi lên xe đi thẳng về nhà T, Q đi theo sau. Khi về đến nhà T thì Q và T dùng cà lê tháo biển kiểm soát và gương chiếu hậu của xe vứt đi. Sau đó T bảo Q để T mang xe đi bán lấy

tiền chuộc điện thoại, T bán xe máy đó được bao nhiêu tiền thì Q không biết và Q không được T chia cho đồng nào.

Sau khi bị trộm cắp tài sản, anh Cao Xuân B đã trình báo cơ quan công an. Do T không thừa nhận cùng với Q trộm cắp chiếc xe của anh Bình nên Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe nói trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐG ngày 11/4/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn vàng đen bạc, biển kiểm soát 98B2-782.88, số máy HC12E7299177, số khung 125XFY299094, xe đã qua sử dụng có trị giá là 18.000.000 đồng (bút lục số 66).

Đến nay, anh Cao Xuân B yêu cầu bồi thường dân sự là 18.000.000 đồng.

Vụ thứ ba:

Khoảng 15 giờ ngày 10/3/2017, Q điều khiển xe mô tô không biển kiểm soát của T chở T đi từ thành phố B đến địa bàn thôn P, S, thành phố B xem ai có xe máy sơ hở thì trộm cắp. Khi đến ngã tư xã S, Q rẽ trái đi vào đường liên thôn khoảng hơn 1 km thì phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave α , BKS- 98B2-045.41 của chị Hà Thị Thủy, sinh năm 1968, trú tại thôn P, xã S, thành phố B đang dựng ở sườn đường thuộc địa phận thôn Nam Tiến, xã S, thành phố B. Q đi qua một đoạn để quan sát rồi quay lại đỗ cách vị trí dựng xe máy khoảng 5m, T đi đến dùng vạm phá khóa phá ổ khóa điện rồi nổ máy đi về phòng trọ của Đinh Văn Q còn Q đi theo sau. Khi về đến phòng trọ của Q thì Q và T đã dùng cưa tháo biển kiểm soát và gương chiếu hậu xe vứt đi. Sau đó T là người mang xe đi bán được số tiền là 4.000.000 đồng, Q được T chia số tiền là 700.000 đồng, số tiền này Q đã ăn tiêu cá nhân hết.

Sau khi bị trộm cắp tài sản, chị Hà Thị T đã trình báo cơ quan công an. Do T không thừa nhận cùng với Q trộm cắp chiếc xe của chị Thủy nên Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc xe nói trên.

Tại bản kết luận số 28/KL-HĐĐG ngày 11/4/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe máy mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen bạc, biển kiểm soát; 98B2-045.41, số khung 5319129, số máy 318948, xe đã qua sử dụng có trị giá là 12.000.000 đồng.

Đến nay, chị Hà Thị T yêu cầu bồi thường dân sự là 12.000.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Hà Đình T không thừa nhận hành vi cùng với Nguyễn Văn Q trộm cắp 03 chiếc xe mô tô nói trên. Cơ quan điều tra đã cho đối chất giữa Hà Đình T và Nguyễn Văn Q nhưng cả hai đều giữ nguyên lời khai. Ngoài lời khai của Nguyễn Văn Q thì không có chứng cứ nào khác nên không đủ căn cứ kết luận Hà Đình T cùng Q trộm cắp chiếc xe của ông Tuyết, anh Bình và chị Thủy nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, Công an thành phố B các bị cáo đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Cáo trạng số 101/KSĐT ngày 14/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Q về tội “*Trộm cắp tài sản*” **theo** quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 138 Bộ luật hình sự. Bị cáo T, bị cáo H bị truy tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” **theo** quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Ngày 11/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố B có quyết định yêu cầu điều tra bổ sung số 09/2017/HSST-QĐ, yêu cầu xác minh thu thập thêm tài liệu chứng cứ và đề nghị truy tố bị cáo Hà Đình T theo điểm e khoản 2 Điều 138. Sau khi có quyết định yêu cầu điều tra bổ sung, cơ quan điều tra có thu thập thêm tài liệu chứng cứ. Ngày 25/9/2017 Công an phường L đã trả cho anh Cao Xuân B 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Cao Xuân B. Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên bản cáo trạng.

- Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận T bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu.

- Những bị hại có mặt tại phiên tòa trình bày:

+ Anh Cao Xuân B trình bày: Khoảng 19 giờ ngày 01/3/2017 anh đi xe mô tô BKS98B2-782.88 đến số nhà 339 đường Hoàng Hoa Thám, phường Đ, thành phố B dựng xe trước cửa nhà thì bị kẻ gian trộm cắp. Nay anh yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường cho anh số tiền 18.000.000 đồng theo như kết quả định giá, anh đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Q. Đối với chứng minh thư nhân dân của anh, Công an phường L đã trả lại cho anh, anh không có yêu cầu gì.

+ Chị Hà Thị T trình bày: Chị bị kẻ gian trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 98B2-04541, chị yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường cho chị trị giá chiếc xe theo như kết quả định giá tài sản là 12.000.000 đồng, ngoài ra chị không có ý kiến gì khác.

- Những bị hại, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra như sau:

+ Anh Ngô Văn A; Anh Nguyễn Văn T; ông Đỗ Ngọc T đều khai về việc bị mất xe và đã nhận được tài sản, không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

+ Anh Nguyễn Văn B khai: Chiếc xe mô tô BKS 98B1-841.97 là của anh, tháng 8/2015, anh bán xe cho anh Phương với số tiền 8.000.000 đồng, hai bên viết giấy bán xe, anh Phương giữ đăng ký xe bản gốc, còn xe anh sử dụng đến tháng 6/2016 anh cầm xe cho ông Ánh được 3.000.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Trần P khai: Anh có mua của anh Bắc chiếc xe mô tô BKS 98B1-841.97 với giá 11.000.000 đồng ngày 11/8/2015, anh sử dụng chiếc xe trên đến tháng 8/2016, anh bán cho anh T với giá 20.000.000 đồng.

+ Ông Triệu Ngọc A khai: Ông không quen biết gì với anh Nguyễn Văn B, ông không nhận găm cầm xe nào của anh Bắc.

+ Anh Đinh Văn Q khai: Bị cáo T trộm cắp xe anh không biết, những tài sản Công an kiểm sát thu giữ tại phòng trọ của anh là của bị cáo T và bị cáo H.

+ Anh Thân Văn Q khai: anh không bán chiếc xe mô tô nào cho bị cáo T, cũng không mua chiếc xe mô tô nào của bị cáo H.

+ Anh Trần Văn T khai: Anh không quen biết ai tên là Hà Đình T và không bán xe mô tô cho người có tên như trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1, Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Q; Hà Đình T; Nguyễn Nam H (tên gọi khác Mướp) phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2, Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn Q từ 26 tháng đến 30 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2017 đến ngày 02/06/2017.

3, Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Hà Đình T từ 18 tháng đến 20 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/3/2017

4, Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Nam H (tên gọi khác Mướp) từ 16 tháng đến 18 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù của bản án số 104/2017/HSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 25 tháng đến 27 tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 22/3/2017 đến ngày 31/3/2017. Thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2017.

5. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42 Bộ luật hình sự. Điều 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải bồi thường cho anh Cao Xuân B số tiền 18.000.000 đồng và bồi thường cho chị Hà Thị T số tiền 12.000.000 đồng.

6. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự. Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 thanh sắt (chòong phá khóa xe máy dài 40cm); 01 bộ vam phá khoá xe máy; 01 bao thuốc lá; 01 chiếc kéo

Trả lại bị cáo Hà Đình T 01 điện thoại di động Nokia màu đen không có pi, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 đồng hồ đeo tay đã bị đứt quai đeo đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

Trả lại anh Ngô Văn A 01 chiếc ví; 01 chùm chìa khoá và 64.000 đồng (Sáu mươi tư nghìn đồng).

7. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo qui định pháp luật. Bị cáo Q phải chịu án phải DSST

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai của các bị cáo trước phiên toà hôm nay phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có Q lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 21/3/2017, tại khu vực vỉa hè trước cửa nhà số 42, lầu 3, đường V, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, Hà Đình T đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô Honda Wave màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 98B2-802.62 có giá trị 18.000.000 đồng của anh Ngô

Văn A sinh năm 1993 trú tại T, xã TT, thành phố B. Khoảng 23 giờ ngày 15/3/2017, Nguyễn Nam H đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream biển kiểm soát 98B1- 841.97 có giá trị là 20.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T sinh năm 1990 trú tại Số nhà ZX, đường M, phường X. Trong khoảng thời gian từ ngày 01/3/2017 đến ngày 10/3/2017, Nguyễn Văn Q đã thực hiện 03 vụ trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thành phố B, bao gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Superdeam, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98B1- 191.13 có giá trị 20.000.000 đồng của ông Đỗ Ngọc T sinh năm 1952 trú tại Thôn L, xã M, thành phố B; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu vàng đen bạc, biển kiểm soát 98B2-782.88 có giá trị 18.000.000 đồng của anh Cao Xuân B sinh năm 1997 trú tại tổ dân phố T, phường Đ, thành phố B; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave α , BKS- 98B2-045.41 có giá trị 12.000.000 đồng của chị Hà Thị Thủy, sinh năm 1968, trú tại thôn P, xã S, thành phố B (tổng giá trị tài sản Q trộm cắp là 50.000.000 đồng).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo theo Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến Q sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Chỉ vì lợi ích trước mắt, các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải xử nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

[1]. Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Q chưa có tiền án tiền sự; Bị cáo T có một tiền án, bị cáo đã bị xử về hình sự nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại còn phạm tội. Bị cáo H đã bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp, trong thời gian tại ngoại chờ cơ quan pháp luật xử lý bị cáo phạm tội mới và bị Tòa án nhân dân thành phố B xử về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án số 104/2017/HSST ngày 06/9/2017.

[2]. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Q, bị cáo H thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, còn bị cáo T thành khẩn khai báo nhưng chưa tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Bị cáo Q, bị cáo Hải đầu thú về

hành vi phạm tội và tạo điều kiện cho các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra xử lý tội phạm; Tại phiên tòa bị hại anh Cao Xuân B xin giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo Q. Bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc T hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo khi lượng hình. Bị cáo Q áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo T áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo Hải áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự

[3]. Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Bị cáo T có một tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là tái phạm, do vậy bị cáo T phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo Q có ba lần thực hiện hành vi trộm cắp, nhưng các lần trộm cắp giá trị tài sản chưa đến 50.000.000 đồng, bị cáo bị xử theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, do vậy bị cáo Q không phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Cao Xuân B và chị Hà Thị T yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường trị giá chiếc xe bị mất thì thấy: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave, màu sơn vàng, đen bạc BKS 98B2-781.88, bị cáo Q trộm cắp của anh Cao Xuân B, chiếc xe không thu hồi được và anh Bình yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc xe theo kết quả định giá tài sản là 18.000.000 đồng. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave màu sơn vàng, đen bạc BKS 98B2 - 045.4, bị cáo Q trộm cắp của chị Hà Thị T, chiếc xe không thu hồi được và chị Thủy yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc xe theo kết quả định giá tài sản là 12.000.000 đồng. Bị cáo Q khai là cùng với bị cáo T đi trộm cắp, sau đó bị cáo T bán chiếc xe của anh Bình, bị cáo Q không được chia đồng nào, bị cáo T bán chiếc xe của chị Hà Thị T, chia cho bị cáo Q 700.000 đồng. Bị cáo T không thừa nhận trộm cắp cùng bị cáo Q, nên không có căn cứ buộc bị cáo T phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cùng với bị cáo Q. Do vậy cần buộc bị cáo Q phải bồi thường số tiền cho anh Cao Xuân B và chị Hà Thị T là phù hợp với quy định tại Điều 42 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

[5]. Đối với anh Đinh Văn Q là người đi cùng với T nhưng trước khi T trộm cắp tài sản thì anh Q không được bàn bạc thống nhất với bị cáo T từ trước cho nên anh Q không vi phạm pháp luật.

[6]. Đối với chiếc xe bị cáo Hải sử dụng đi trộm cắp tài sản, bị cáo khai đó là chiếc xe Wave không có biển kiểm soát và mua của người không quen biết. Sau đó bị cáo đã bán chiếc xe này cho anh Thân Văn Q sinh năm 1985 trú tại Tổ dân phố Giáp Hải, phường Dĩnh Kế. Cơ quan điều tra đã làm việc với anh Q nhưng anh Q không thừa nhận đã mua chiếc xe của bị cáo Hải cho nên Cơ quan điều tra không có căn cứ thu giữ.

[7]. Đối với các tài sản bao gồm: 01 xe mô tô Honda C70, màu sơn đỏ, biển kiểm soát 13A- 783F6 xe đã qua sử dụng; 06 gác ba ga giữa của xe mô tô đã qua sử dụng; 04 chiếc gương chiếu hậu xe mô tô đã cũ; 01 giá biển kiểm soát xe mô tô; 01 giỏ xe mô tô màu đen, thu giữ tại phòng trọ của anh Đinh Văn Q, Cơ quan cảnh sát điều tra đã có quyết định tách vật chứng vụ án hình sự số 03/QĐ-CQĐT ngày 26/5/2017. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này

[7]. Về vật chứng của vụ án:

+ Đối với 01 thanh sắt (chòong phá khóa xe máy) dài 40 cm; 01 bộ văm phá khóa xe máy; 01 bao thuốc lá; 01 chiếc kéo, Công an thu giữ khi kiểm soát hành chính đối với bị cáo T và bị cáo Hải, những tài sản này không có giá trị sử dụng, do vậy cần tịch thu tiêu hủy

+ Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen không có pin, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 đồng hồ đeo tay đã bị đứt quai đeo đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng của bị cáo T không liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo, do vậy cần trả lại bị cáo T, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Đối với 01 chùm chìa khóa gồm 04 chìa; 01 ví da và 64.000 đồng của anh Ngô Văn A không liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo, do vậy cần trả lại anh Ngô Văn A.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Bị cáo Q phải chịu án phí DSST theo qui định của pháp luật.

[9]. Tiếp tục tạm giam bị cáo T 45 ngày để đảm bảo thi hành án

Bởi các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q; Hà Đình T; Nguyễn Nam H (tên gọi khác Mướp) phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự. Điều 99, Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2017 đến ngày 02/6/2017.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự. Điều 99, Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hà Đình T 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 22/3/2017.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 51 Bộ luật hình sự. Điều 99, Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Nam H (tên gọi khác Mướp) 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 104/2017/HSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 02 (hai) năm 03 (Ba) tháng, được trừ đi thời gian tạm giữ trong vụ án này từ ngày 22/3/2017 đến ngày 31/3/2017, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/5/2017 của bản án số 104/2017/HSST.

5. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải bồi thường cho anh Cao Xuân B 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng); Bồi thường cho chị Hà Thị T 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng)

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành thì hàng tháng còn phải trả cho bên được thi hành số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành số tiền còn phải trả.

6. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự

+ Tịch thu tiêu hủy 01 thanh sắt (chòong phá khóa xe máy) dài 40 cm; 01 bộ vạm phá khóa xe máy; 01 bao thuốc lá; 01 chiếc kéo;

+ Trả lại bị cáo Hà Đình T 01 điện thoại di động Nokia màu đen không có pin, không kiểm tra chất lượng bên trong; 01 đồng hồ đeo tay đã bị đứt quai đeo đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

+ Trả lại anh Ngô Văn A 01 chùm chìa khóa gồm 04 chìa; 01 ví da và 64.000 đồng (Sáu mươi bốn nghìn đồng)

7. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST. Bị cáo Q phải chịu 1.500.000 đồng án phí DSST

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án

T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
- Chi cục THADS TP.B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thanh Hảo